

	CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
	ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522 Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctn@biwase.com



VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: NC 09/01.04.2026

Ngày phát hành kết quả: 06/04/2026

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Dĩ An**
- Tên mẫu: Nước sau xử lý - Bể chứa Dĩ An
- Địa chỉ: Số 369B/1, đường Bùi Thị Xuân, khu phố 1A, phường An Phú, thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày lấy mẫu: 01/04/2026 Ngày phân tích: 01/04/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong 2 bình 1L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng số*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	E. coli*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	≤ 0,01	KPH (LOD: 0,0002 mg/L)
4	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-CI:2023	0,2 – 1,0	0,65
5	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,22
6	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
7	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	6,86
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
10	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,32
11	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	8
12	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,02
13	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	20
14	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,02
15	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
16	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,07

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
17	Nitrate (NO_3^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 11	0,27
18	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178:1996	$\leq 0,9$	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
19	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	$\leq 0,3$	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
20	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	2,82
21	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	52

*** Ghi chú:**

- + QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc

Giám Đốc




Mai Thị Đẹp